

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 19 điểm trong ngày hôm nay, đóng cửa tại 1,580.54 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó Công nghệ thông tin dẫn đầu đà giảm, theo sau là Hàng & dịch vụ công nghiệp. Ở chiều ngược lại, Tài nguyên cơ bản và Bảo hiểm ghi nhận giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường liên tục đánh mất các ngưỡng hỗ trợ, mới nhất là vùng 1,600 điểm; trong kịch bản tiêu cực, VN-Index có thể giảm về vùng 1,520 trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-18.56** điểm, đóng cửa tại **1580.54** điểm. HNX-Index **-1.93** điểm, đóng cửa tại **258.18** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.71)**, **TCB (+0.65)**, **SSI (+0.31)**, **BVH (+0.17)**, **GVR (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-4.52)**, **FPT (-1.78)**, **CTG (-1.20)**, **VCB (-0.94)**, **GAS (-0.91)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,869** tỷ đồng, giảm **-20.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,344 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.95 điểm. Thị trường có **101** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **202** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-182.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-118.23 tỷ)**, **VRE (-82.10 tỷ)**, **KDH (-81.24 tỷ)**, **FPT (-72.49 tỷ)**, **DXG (-71.93 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-113.80** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.95%**. Các mã diễn biến tích cực:
SSI (+1.97%)
HCM (+1.60%)
HPG (+1.54%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.27%**. Các mã diễn biến tích cực:
BVH (+1.92%)
HAH (+1.48%) [\(Link báo cáo\)](#)
ANV (+1.47%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.95%	-1.27%	-1.16%	-1.13%
1 tuần	-1.03%	-1.03%	-2.25%	-2.88%
1 tháng	-5.83%	-7.21%	-9.56%	-8.91%
3 tháng	-5.18%	-8.20%	-1.72%	2.79%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,580.54	258.18	117.45
% 1D	-1.16%	-0.74%	0.60%
GTKL (tỷ VND)	18,869	1,540	520
%1D	-20.65%	-11.41%	-51.13%
GDNN (tỷ VND)	-182.92	-113.80	-22.82

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	405.04	HDB	-118.23
VIX	73.25	VRE	-82.10
MWG	70.58	KDH	-81.24
MSN	52.99	FPT	-72.49
VHM	40.93	DXG	-71.93

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

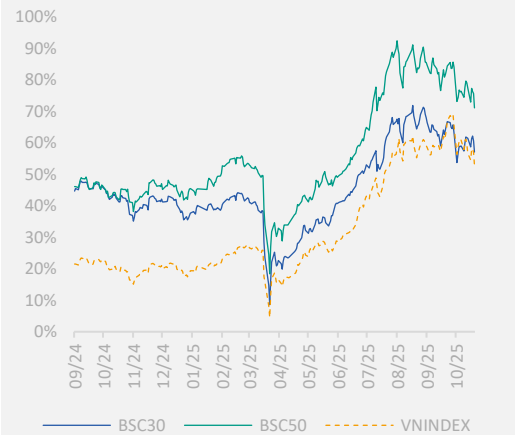
		%D	%W
SPX	6,729	0.13%	-1.63%
FTSE100	9,748	0.68%	0.48%
Eurostoxx	5,648	1.29%	-0.56%
Shanghai	4,019	0.53%	1.06%
Nikkei	50,946	1.33%	-2.80%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.07	0.69%
Giá vàng	4,079	1.72%
Tỷ giá		
USD/VND	26,361	0.01%
EUR/VND	31,179	0.13%
JPY/VND	175	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.01%
LS LNH 1M	6.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

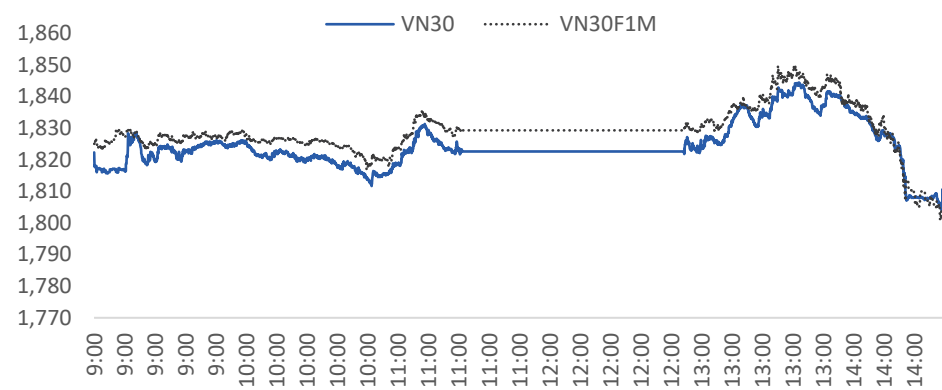
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1801.30	-1.45%	290,365	1.9%	20/11/2025	10
41I1G6000	1797.00	-1.53%	93	200.0%	18/06/2026	220
VN30F2512	1800.00	-1.13%	1,405	31.9%	18/12/2025	38
41I1G3000	1799.90	-0.83%	154	14.07%	19/03/2026	129

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -20.53 điểm, đóng cửa tại 1804.18 điểm. Biên độ dao động 40.26 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VHM, VRE, LPB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với nhịp giảm điểm cuối phiên. Thanh khoản thị trường ở mức thấp trong bối cảnh tâm lý thận trọng bao trùm, dòng tiền có xu hướng lui về phòng thủ. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2515	25/12/2025	45	35,100	39.13%	44.81	340	41.7%	0.00	46.47	33.40	33.40
CFPT2510	23/02/2026	105	94,300	48.38%	132.82	460	31.4%	0.01	142.74	96.20	96.20
CMWG2507	19/11/2025	9	46,000	1.49%	65.72	1,240	22.8%	1.13	77.94	76.80	76.80
CVHM2524	18/01/2027	434	21,600	86.01%	147.00	1,830	19.6%	0.23	161.64	86.90	86.90
CVPB2510	23/02/2026	105	800	19.04%	23.04	4,980	18.6%	2.62	32.74	27.50	27.50
CSHB2506	11/12/2025	31	100	11.04%	12.57	2,500	15.2%	1.59	16.99	15.30	15.30
CHPG2514	19/11/2025	9	332,900	2.84%	26.37	250	13.6%	0.19	27.20	26.45	26.45
CVIB2511	24/02/2026	106	63,300	23.84%	21.00	800	12.7%	0.24	22.60	18.25	18.25
CACB2512	24/02/2026	106	29,900	22.38%	29.00	450	12.5%	0.13	30.35	24.80	24.80
CSHB2510	4/05/2026	175	300	19.16%	13.67	2,580	12.2%	1.53	18.23	15.30	15.30
CMSN2519	20/05/2026	191	134,300	24.87%	86.00	1,780	10.6%	0.97	94.90	76.00	76.00
CHPG2536	25/06/2026	227	98,100	31.80%	32.90	980	10.1%	0.56	34.86	26.45	26.45
CHPG2534	25/06/2026	227	81,700	34.11%	31.11	1,090	10.1%	0.38	35.47	26.45	26.45
CSTB2513	12/01/2026	63	16,500	6.72%	39.00	3,190	9.6%	2.52	51.76	48.50	48.50
CVJC2504	3/12/2025	23	11,400	1.06%	97.98	4,020	8.6%	3.94	178.38	176.50	176.50
CMWG2521	25/03/2026	135	70,900	24.80%	91.00	970	7.8%	0.48	95.85	76.80	76.80
CHPG2521	11/12/2025	31	78,700	3.01%	23.32	1,180	6.3%	1.00	27.25	26.45	26.45
CVHM2518	4/05/2026	175	1,200	29.94%	91.00	2,740	6.2%	0.89	112.92	86.90	86.90
CVNM2519	4/05/2026	175	246,700	24.95%	65.96	550	5.8%	0.12	71.22	57.00	57.00
CVPB2525	25/03/2026	135	768,800	22.18%	31.70	950	5.6%	0.50	33.60	27.50	27.50

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 10/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
 - CTCB2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 41.67%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.79%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVHM2523, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.45	1.54%	2.61
TCB	33.40	1.21%	1.05
SSI	33.60	1.97%	0.64
MWG	76.80	0.39%	0.50
STB	48.50	0.31%	0.18

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	96.20	-4.75%	-9.97
VHM	86.90	-5.54%	-4.06
VRE	29.80	-4.94%	-2.03
LPB	48.30	-2.03%	-1.86
MSN	76.00	-1.04%	-1.04

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.45	1.54%	0.71	7.68
TCB	33.40	1.21%	0.65	7.09
SSI	33.60	1.97%	0.31	2.08
BVH	53.00	1.92%	0.17	0.74
GVR	27.95	0.54%	0.14	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	28.90	1.40%	0.14	0.59
VIF	15.10	1.34%	0.04	0.35
SCG	63.60	0.95%	0.03	0.09
LHC	107.60	2.87%	0.03	0.01
PCT	9.70	8.99%	0.03	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
C32	21.45	6.98%	0.01	0.86
PET	32.20	6.98%	0.05	1.83
TNC	31.00	6.90%	0.01	0.00
ICT	25.60	6.89%	0.01	0.18
SBG	14.20	6.77%	0.01	0.86

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PPP	21.70	9.60%	0.06	0.00
PCT	9.70	8.99%	0.15	0.01
MAC	17.20	8.86%	0.12	0.00
HKT	15.00	7.14%	0.13	0.00
SDC	9.00	5.88%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	86.90	-5.54%	-4.52	4.11
FPT	96.20	-4.75%	-1.78	1.70
CTG	48.00	-2.04%	-1.20	5.37
VCB	58.80	-0.84%	-0.94	8.36
GAS	61.20	-2.70%	-0.91	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	148.40	-5.05%	-0.89	0.20
PVS	33.10	-2.65%	-0.25	0.48
KSF	80.80	-0.49%	-0.21	0.90
PVI	78.00	-1.27%	-0.14	0.23
NVB	13.40	-1.47%	-0.14	1.17

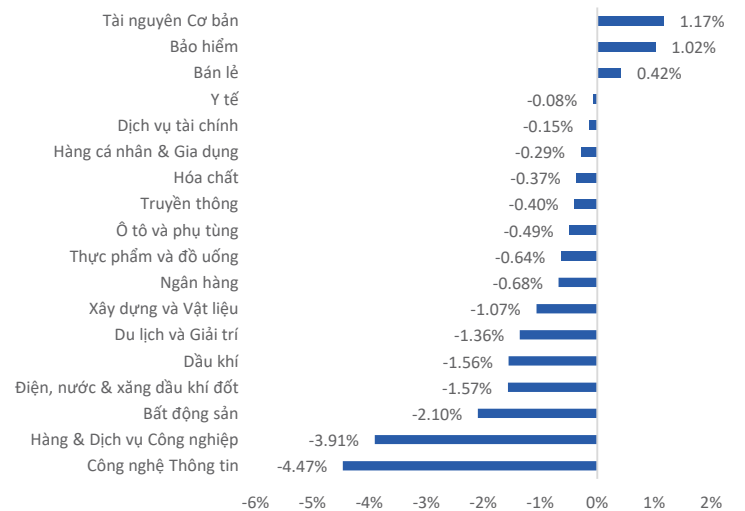
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEX	40.90	-6.94%	-0.58	14.40
GEE	153.80	-6.67%	-0.85	0.17
VHM	86.90	-5.54%	-4.50	7.68
SVC	27.20	-5.39%	-0.03	0.00
NVL	12.30	-5.38%	-0.31	12.96

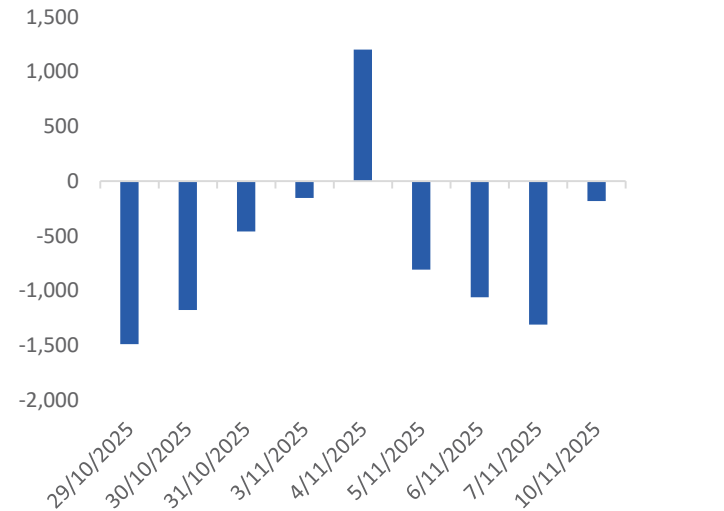
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	26.90	-9.73%	-0.03	0.01
TMX	7.90	-9.20%	-0.02	0.12
NAG	8.00	-9.09%	-0.10	1.76
GLT	20.20	-9.01%	-0.06	0.00
KSD	4.30	-8.51%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	76.8	0.4%	1.1	113,545	594.6	3,955	19.4	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	32.5	-4.1%	1.4	30,560	149.8	1,872	17.3	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	32.0	-1.5%	1.1	35,911	213.5	857	37.3	39,900	27.3%	Link
PDR	Bất động sản	20.8	-1.7%	1.3	20,380	158.4	211	98.6	28,200	9.3%	Link
VHM	Bất động sản	86.9	-5.5%	1.3	356,934	698.1	6,133	14.2	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.2	-4.8%	0.9	163,877	1182.9	5,280	18.2	118,700	38.0%	Link
BSR	Dầu khí	15.6	-2.5%	0.0	77,864	56.5	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	-2.7%	1.4	15,821	186.0	3,040	10.9	42,800	11.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.3	1.6%	1.3	24,029	233.1	1,430	15.6		35.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	33.6	2.0%	1.1	69,751	1118.2	1,882	17.9		33.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	-0.6%	1.1	25,869	278.4	1,589	22.5		20.5%	
DCM	Hóa chất	33.6	-1.8%	1.4	17,788	60.2	3,578	9.4	47,300	4.7%	Link
DGC	Hóa chất	91.5	-1.7%	1.2	34,750	135.1	8,296	11.0	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-0.4%	0.9	127,389	187.6	3,385	7.3	28,400	29.5%	Link
BID	Ngân hàng	37.4	-0.3%	1.0	262,599	88.0	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.0	-2.0%	1.1	257,760	395.9	6,208	7.7	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	29.6	-1.3%	1.2	114,239	503.6	3,675	8.1	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	23.1	-0.9%	1.0	186,070	397.8	3,017	7.7	32,000	20.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	-0.8%	1.1	37,440	47.2	1,729	6.9	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.5	0.3%	0.9	91,433	685.5	6,519	7.4		16.7%	
TCB	Ngân hàng	33.4	1.2%	1.1	236,680	437.0	3,112	10.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.5	0.0%	1.2	45,772	90.2	2,358	7.0	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	58.8	-0.8%	0.7	491,314	173.6	4,202	14.0	75,700	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	-0.3%	0.9	62,123	84.5	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	0.0%	1.2	218,183	869.9	2,603	10.6	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	1.5%	1.0	203,016	1298.9	1,876	14.1	33,170	18.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	0.0%	1.0	10,464	43.9	1,178	14.3	19,800	5.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.2	0.2%	1.2	9,679	45.6	4,150	6.1	31,700	2.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.0	-1.0%	1.2	109,890	422.1	2,196	34.6	92,700	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.0	-1.0%	0.5	119,127	154.1	4,160	13.7	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	38.7	0.52%	1.2	8,559	32.8	2,413	16.0	20.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	139.1	-0.29%	0.9	23,689	71.5	3,620	38.4	32.3%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.0	1.92%	1.2	39,343	19.5	3,594	14.8	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.7	-0.25%	1.0	15,650	151.5	517	38.0	4.6%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.3	-3.44%	1.1	18,595	226.7	401	45.5	22.4%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	31.7	-1.09%	1.0	5,645	152.2	3,424	9.2	3.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.2	0.00%	1.5	11,173	41.6	938	32.2	20.4%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.6	-1.05%	1.3	14,269	32.3	4,849	7.8	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.5	-3.05%	1.1	17,710	58.3	2,185	16.7	46.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.0	0.00%	1.3	13,316	29.9	5,474	10.1	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.1	-0.83%	1.1	5,409	9.8	1,763	17.0	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.5	-2.38%	1.5	17,808	82.6	852	24.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	199.0	-0.35%	1.2	766,750	557.3	2,287	87.0	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	29.8	-4.94%	1.4	67,715	272.6	2,144	13.9	14.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.7	-3.09%	1.2	7,972	29.3	1,833	20.5	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	-0.29%	0.8	43,073	55.4	2,090	16.2	15.2%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.7	0.00%	1.1	13,730	428.9	1,602	15.4	5.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.0	-0.75%	1.3	11,417	38.2	1,262	26.1	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.9	1.40%	1.8	19,036	83.0	1,664	17.4	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.2	-2.70%	0.8	147,673	46.0	5,014	12.2	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.1	-0.70%	0.9	33,020	62.0	812	17.4	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.5	-1.70%	0.7	34,395	10.5	4,776	13.3	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	176.5	-0.84%	0.4	104,419	343.0	2,897	60.9	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.9	-6.94%	0.8	36,908	601.4	2,313	17.7	8.8%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	-3.79%	1.1	26,016	194.4	3,504	17.4	43.3%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.7	1.48%	0.6	10,419	146.9	6,185	10.0	8.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.4	-1.14%	0.9	8,177	26.2	2,090	8.3	8.8%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	102.2	-2.67%	0.0	12,446	62.3	3,139	32.6	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.0	-0.57%	0.9	29,680	24.4	6,921	12.6	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.6	-1.08%	1.0	3,092	25.2	2,535	10.9	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	-3.63%	1.4	2,394	21.4	2,879	6.5	17.8%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.3	-1.48%	1.1	15,842	85.1	1,212	19.2	4.8%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	0.54%	1.8	111,800	64.2	1,569	17.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	20.8	-3.03%	0.9	38,745	346.0	1,635	12.7	4.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.3	-2.03%	0.9	144,286	89.6	3,469	13.9	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-1.39%	0.0	24,363	16.2	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.1	-0.41%	1.0	32,223	24.8	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	-2.10%	0.8	7,318	139.2	571	28.7	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.6	1.47%	1.3	7,349	44.7	2,829	9.8	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.8	0.16%	0.7	9,668	23.6	1,715	18.5	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.0	-0.22%	0.8	58,998	30.3	3,373	13.6	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.0	0.00%	1.1	12,569	52.3	6,944	8.1	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	166.5	-1.77%	0.3	13,630	19.3	14,639	11.4	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.0	-0.83%	1.1	8,520	69.3	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.0	-2.58%	1.2	9,952	41.0	5,128	17.0	5.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.7	0.35%	1.2	4,304	19.7	3,037	14.1	5.3%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.2	-5.04%	1.2	6,566	160.0	1,106	11.9	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.6	-2.89%	1.0	8,422	42.7	1,584	14.9	12.1%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.4	-0.21%	0.9	15,127	99.0	6,148	3.8	5.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.6	0.00%	1.2	20,893	41.1	3,090	15.1	3.8%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>